TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TĐ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ - ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĐ TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

2. Ông Dương Văn Vườn

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị DTH, sinh năm 1992; nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang trú tại: Thôn ĐT, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương, có mặt.

Bị đơn: Anh BVH, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang, C10, Bộ công an, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2019 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị ĐTH trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Chị và anh BVH kết hôn với nhau vào ngày 16 tháng 02 năm 2016. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Tháng 8/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chịu chỉn chu làm ăn, chị và hai bên gia đình có khuyên

bảo nhiều lần nhưng anh không nghe. Tháng 5/2018 anh H bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy bị phạt 40 tháng tù và hiện đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang. Chị và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu BHKN, sinh ngày 06/7/2015. Hiện cháu đang ở với chị. Ly hôn nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung .

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh BVH vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong biên bản lời khai ngày 23 tháng 5 năm 2019 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống cũng như thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị H xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về quan hệ con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H là vợ chồng có 01 con chung là cháu BHKN, sinh ngày 06/7/2015. Hiện cháu đang ở với chị H. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết để cháu N được ở với chị H, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung .

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Cho chị DTH được ly hôn anh BVH.

Về con chung: Giao cho chị DTH được trực tiếp nuôi dưỡng cháu BHKN, sinh ngày 06/7/2015. Anh BVH không phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về án phí: Chị DTH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị DTH khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là anh BVH, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã H, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên xác định vụ án là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TĐ theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không chịu chỉn chu làm ăn và hiện còn đang phải chấp hành án tù. Quá trình giải quyết vụ án chị H, anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho các bên đương sự được ly hôn.

Về con chung: Chị H, anh H có 01 con chung là cháu BHKN, sinh ngày 06/7/2015. Hiện cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H, anh H cùng thống nhất để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N, anh H không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H.

Xét việc các đương sự thỏa thuận là phù hợp với pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Cho chị DTH được ly hôn anh BVH.

[2]Về con chung: Giao cho chị DTH được trực tiếp nuôi dưỡng cháu BHKN, sinh ngày 06/7/2015. Anh BVH không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị H.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

[4] Về án phí: Chị DTH phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: Â/2017/0001052 ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện TĐ. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt cũng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện TĐ;*
- *Chi cục THADS huyện TĐ;*
- *UBND xã Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công